

Số: *76064* /CT-TTHT  
V/v lập hồ sơ Hải quan và lập  
hóa đơn bán hàng xuất khẩu;

Hà Nội, ngày *21* tháng *11* năm 2017

Kính gửi: Công ty cổ phần công nghệ GVN  
Địa chỉ: Tầng số 10, tòa nhà An Phú, số 24 Hoàng Quốc Việt  
Phường Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội  
MST 0107471322

Trả lời công văn số 08/CV-GVN ngày 03/11/2017 của Công ty cổ phần công nghệ GVN (gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/5/2005 của Quốc hội.

+ Tại Khoản 9 Điều 3 quy định:

*"Điều 3: Giải thích từ ngữ*

*9. Cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó một bên (sau đây gọi là bên cung ứng dịch vụ) có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ (sau đây gọi là khách hàng) có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận."*

+ Tại Điều 74 quy định:

*"Điều 74: Hình thức hợp đồng dịch vụ*

*1. Hợp đồng dịch vụ được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể.*

*2. Đối với các loại hợp đồng dịch vụ mà pháp luật quy định phải được lập thành văn bản thì phải tuân theo các quy định đó."*

- Căn cứ Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội.

+ Tại Điều 10 quy định:

*"Điều 10. Hình thức thể hiện thông điệp dữ liệu*

*Thông điệp dữ liệu được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác."*

+ Tại Điều 33 quy định:

*"Điều 33. Hợp đồng điện tử*

*Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu theo quy định của Luật này."*

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.



\* Tại Khoản 1 Điều 9 quy định thuế suất 0%

*"1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.*

*Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là hàng hoá, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.*

*a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:*

- Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu;*
- Hàng hóa bán vào khu phi thuế quan theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; hàng bán cho cửa hàng miễn thuế;*
- Hàng hoá bán mà điểm giao, nhận hàng hoá ở ngoài Việt Nam;*
- Phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam;*
- Các trường hợp được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật:*
  - + Hàng hoá gia công chuyển tiếp theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động mua, bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công hàng hoá với nước ngoài.*
  - + Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật.*
  - + Hàng hóa xuất khẩu để bán tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài."*

\* Tại Khoản 2 Điều 9 quy định điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

*"a) Đối với hàng hoá xuất khẩu:*

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hoá xuất khẩu; hợp đồng uỷ thác xuất khẩu;*
- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;*
- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này."*

\* Tại Khoản 2 Điều 16 quy định.

*"2. Tờ khai hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.*

*Đối với cơ sở kinh doanh xuất khẩu sản phẩm phần mềm dưới các hình thức tài liệu, hồ sơ, cơ sở dữ liệu đóng gói cứng để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào, cơ sở kinh doanh phải đảm bảo thủ tục về tờ khai hải quan như đối với hàng hoá thông thường.*

*Riêng các trường hợp sau không cần tờ khai hải quan:*

*- Đối với cơ sở kinh doanh xuất khẩu dịch vụ, phần mềm qua phương tiện điện tử thì không cần có tờ khai hải quan. Cơ sở kinh doanh phải thực hiện đầy đủ các quy định về thủ tục xác nhận bên mua đã nhận được dịch vụ, phần mềm xuất*



khẩu qua phương tiện điện tử theo đúng quy định của pháp luật về thương mại điện tử.”...

- Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ như sau:

“1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Thông tư số 39/2014/TT-BTC như sau:

“2. Các loại hóa đơn:

a) Hoá đơn giá trị gia tăng (mẫu số 3.1 Phụ lục 3 và mẫu số 5.1 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này) là loại hoá đơn dành cho các tổ chức khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ trong các hoạt động sau:

- Bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ trong nội địa;
- Hoạt động vận tải quốc tế;
- Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;

b) Hoá đơn bán hàng dùng cho các đối tượng sau đây:

- Tổ chức, cá nhân khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp khi bán hàng hoá, dịch vụ trong nội địa, xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu (mẫu số 3.2 Phụ lục 3 và mẫu số 5.2 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này).

- Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ vào nội địa và khi bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau, trên hóa đơn ghi rõ “Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan” (mẫu số 5.3 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này).

Ví dụ:

- Doanh nghiệp A là doanh nghiệp khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ vừa có hoạt động bán hàng trong nước vừa có hoạt động xuất khẩu ra nước ngoài. Doanh nghiệp A sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng cho hoạt động bán hàng trong nước và không cần lập hóa đơn GTGT cho hoạt động xuất khẩu ra nước ngoài.”...

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty xuất khẩu sản phẩm phần mềm, lập trình website cho khách hàng là doanh nghiệp trên lãnh thổ Nhật Bản thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư 219/TT-BTC.

Trường hợp, Công ty xuất khẩu phần mềm theo phương thức điện tử (chuyển giao hoàn toàn trên mạng internet) thì không cần có tờ khai hải quan, Công ty phải thực hiện đầy đủ các quy định về thủ tục xác nhận bên mua đã nhận được dịch vụ, phần mềm xuất khẩu qua phương tiện điện tử theo đúng quy định của pháp luật về thương mại điện tử quy định tại Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính;

Công ty không phải lập hóa đơn GTGT cho hoạt động xuất khẩu phần mềm theo phương thức điện tử ra nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính.

Trường hợp còn vướng mắc đề nghị đơn vị liên hệ với Phòng Kiểm tra thuế số 1 – Cục Thuế TP Hà Nội để được giải đáp.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty được biết và thực hiện. ✓

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng KT 1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2).

  
Mai Sơn